

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ÂU VIỆT GLOBAL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ÂU VIỆT GLOBAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AU VIET GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AU VIET GLOBAL, JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110563037

3. Ngày thành lập: 06/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

V11-B04 khu đô thị Mới An Hưng, đường Nguyễn Thanh Bình, tổ dân phố số 5, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977.237.914

Fax:

Email: auvietglobal@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (loại trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: -Môi giới mua bán hàng hóa; -Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế (Căn cứ Điều 32, Điều 33 Luật Dược năm 2016) Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649(Chính)
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
21.	Trồng lúa	0111
22.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
23.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
24.	Chăn nuôi gia cầm	0146
25.	Chăn nuôi khác	0149
26.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
27.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
28.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
29.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
30.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230

31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; -Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa(Điều 28 Luật thương mại)	8299
32.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hướng dẫn và đào tạo về sự kiện, khởi nghiệp, quản trị kinh doanh, tiếp thị và bán hàng	8559
33.	Lập trình máy vi tính	6201
34.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
35.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
36.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
37.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí theo Điều 3,4 Luật Báo chí)	6312
38.	Hoạt động thông tấn (không gồm hoạt động của cơ quan thông tấn xã, các tổ chức báo chí)	6391
39.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
40.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
41.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Theo Điều 10 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014) - Hoạt động quản lý nhà, chung cư (Điều 105 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014).	6810
42.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: -Dịch vụ môi giới bất động sản; -Dịch vụ tư vấn bất động sản; -Dịch vụ quản lý bất động sản (không bao gồm kinh doanh bất động sản, môi giới, định giá và quản lý sàn giao dịch bất động sản) (Điều 62, 74 và 75 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)	6820
43.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
44.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
45.	Quảng cáo	7310
46.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

47.	Hoạt động nhiếp ảnh Ngoại trừ: Hoạt động của phóng viên ảnh	7420
48.	Cho thuê xe có động cơ	7710
49.	Bán buôn tổng hợp	4690
50.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
51.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
52.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
53.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
54.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
55.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
56.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
57.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
58.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
59.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
60.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
61.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
62.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
63.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
64.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
65.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
66.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
67.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
68.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
69.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
70.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
71.	In ấn (Loại trừ hoạt động in tem thuế, tem bưu điện)	1811
72.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
73.	Sao chép bản ghi các loại	1820
74.	Sản xuất than cốc	1910
75.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
76.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
77.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
78.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
79.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021

80.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
81.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm; Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
82.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
83.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
84.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
85.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
86.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
87.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
88.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
89.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
90.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
91.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
92.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
93.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
94.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
95.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
96.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
97.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
98.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
99.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
100.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
101.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
102.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
103.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
104.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (ngoại trừ đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
105.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (ngoại trừ đấu giá ngoài cửa hàng)	4799
106.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
107.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
108.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
109.	Cơ sở lưu trú khác	5590

110.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
111.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
112.	Dịch vụ ăn uống khác (không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5629
113.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
114.	Xuất bản phần mềm (Không gồm hoạt động xuất bản ấn phẩm)	5820
115.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Không thực hiện sản xuất, phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình về thời sự, chính trị)	5911
116.	Hoạt động hậu kỳ (Không gồm thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ phim trường và sân khấu)	5912
117.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Không thực hiện sản xuất, phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình về thời sự, chính trị)	5913
118.	Hoạt động chiếu phim	5914
119.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
120.	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác	6022
121.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
122.	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
123.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
124.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Thoát nước Xử lý nước thải	3700
125.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
126.	Xây dựng nhà để ở	4101
127.	Xây dựng nhà không để ở	4102
128.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
129.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
130.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

131.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
132.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
133.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
134.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
135.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
136.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
137.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
138.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
139.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
140.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
141.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN NGỌC HUY	Thôn Nghĩa Khê, Xã Tam Quang, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	36,000	0340850218 46	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	36.000	360.000.000	36,000		
2	LƯU THỊ TRANG	V11-B04 Khu đô thị MAH , Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	63.000	630.000.000	63,000	0241890004 72	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	63.000	630.000.000	63,000		

3	VŨ THỊ THÚY HẰNG	Thôn Thanh Khê, Xã Nam Cường, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	0361900138 10
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LƯU THỊ TRANG
Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 20/09/1989
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024189000472

Ngày cấp: 19/10/2022
Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: V11-B04 Khu đô thị MAH , Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: V11-B04 Khu đô thị MAH , Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội